

NGHỊ QUYẾT

V/v trích nguồn kết dư ngân sách thành phố hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân để Hội nông dân thành phố thực hiện Dự án cho vay vốn trên địa bàn khóm 2, khóm 3 Phường 10, thành phố Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Hướng dẫn số 1079-HD/HNĐTƯ ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông Dân Việt Nam hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thực hiện Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc trích nguồn kết dư ngân sách thành phố hỗ trợ Quỹ Hỗ trợ nông dân để Hội nông dân thành phố thực hiện Dự án cho vay vốn trên địa bàn khóm 2, khóm 3 Phường 10, thành phố Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc trích nguồn kết dư ngân sách thành phố hỗ trợ Quỹ Hỗ trợ nông dân để Hội nông dân thành phố thực hiện Dự án cho vay vốn trên địa bàn khóm 2, khóm 3 Phường 10, thành phố Sóc Trăng, với số tiền là **300.000.000 đồng** (Ba trăm triệu đồng), từ nguồn kết dư ngân sách thành phố Sóc Trăng (có Dự án kèm theo).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị TPST);
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng ban, ngành TP (Đảng, chính quyền, đoàn thể);
- TT. HĐND và UBND 10 phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Văn Trí

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
HỘI NÔNG DÂN TP SÓC TRĂNG
BCH HỘI NÔNG DÂN PHƯỜNG 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN
(Áp dụng cho dự án nhóm hộ)

PHẦN I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng “**mô hình sản xuất lúa thơm, đặc sản chất lượng cao có liên kết tiêu thụ**” tại khóm 2, khóm 3, phường 10 thành phố Sóc Trăng.

2. Họ và tên chủ dự án: Ông Dương Quốc Tiến

Chức vụ: chủ tịch Hội Nông dân phường 10.

Địa chỉ thường trú: 27 An Dương Vương khóm 1 phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại liên hệ: Di động 0919731745; điện thoại bàn: 02993.62461

3. Đơn vị chỉ đạo, quản lý dự án:

Hội Nông dân thành phố Sóc Trăng

Người đại diện: Ông Dư Văn Thanh

Địa chỉ: 151 Nguyễn Văn Linh, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tài khoản: 7601201000273 Tại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993.821421

4. Địa bàn thực hiện dự án: Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5. Số hộ tham gia dự án: 12 hộ.

| STT | Họ và Tên | Địa chỉ | Diện tích(ha) | Nhu cầu vay (đồng) | Thời gian vay (tháng) |
|--------------------|-------------------|---------|---------------|---------------------|-----------------------|
| 1 | Dương Hoàng Liêm | K3.P10 | 6,5 | 50.000.000đ | 24 |
| 2 | Mã Dung | K3.P10 | 2,5 | 20.000.000đ | 24 |
| 3 | Nguyễn Khắc Trung | K3.P10 | 1,9 | 20.000.000đ | 24 |
| 4 | Lý Thái | K2.P10 | 1,4 | 20.000.000đ | 24 |
| 5 | Danh Mã Lây | K3.P10 | 2 | 30.000.000đ | 24 |
| 6 | Danh Hoàng Thừa | K3.P10 | 2,5 | 20.000.000đ | 24 |
| 7 | Danh Thị Kim Hà | K3.P10 | 1,8 | 20.000.000đ | 24 |
| 8 | Danh Minh | K3.P10 | 2,4 | 20.000.000đ | 24 |
| 9 | Trần Phước Lê | K3.P10 | 1,8 | 20.000.000đ | 24 |
| 10 | Lý Bình Hoàng | K2.P10 | 2,7 | 30.000.000đ | 24 |
| 11 | Lý Ấu | K3.P10 | 3 | 30.000.000đ | 24 |
| 12 | Nguyễn Trường Sơn | K2.P10 | 1,5 | 20.000.000đ | 24 |
| Tổng cộng : | | | 30ha | 300.000.000đ | |

6. Thời gian thực hiện dự án: 24 tháng

7. Tổng số vốn thực hiện dự án: 636.000.000 đồng.

Trong đó:

- Vốn đối ứng của hộ tham gia dự án: 336.000.000 đồng.

- Vốn đề nghị vay Quỹ hỗ trợ nông dân: 300.000.000 đồng.

+ Thời gian vay: 24 tháng kể từ khi nhận được vốn vay.

+ Phí 0,7 %/tháng (8,4%/năm)

PHẦN II. NỘI DUNG DỰ ÁN

I. Sự cần thiết của dự án:

Tình hình phát triển kinh tế xã hội của phường 10 trong những năm qua luôn được giữ vững ổn định, đời sống vật chất tinh thần của người dân ngày càng nâng cao, chính sách an sinh xã hội luôn được chăm lo, đối với lĩnh vực nông nghiệp Đảng và nhà nước có nhiều chủ trương chính sách nông nghiệp phù hợp với hội viên nông dân, Riêng đối với khóm 2 và khóm 3 phường 10 thành phố Sóc Trăng có diện tích đất tự nhiên là 315ha; trong đó diện tích đất nông nghiệp 286ha gồm: có 275 ha diện tích trồng lúa, đất rau màu 8,5h ha, đất cây ăn trái 2,5ha. Đa số

người dân sống bằng nghề trồng lúa, chăn nuôi, làm thuê và mua bán nhỏ, đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn,

Đặc điểm, tình hình Hội nông dân của phường 10 tác động đến quá trình tổ chức thực hiện dự án

Diện tích đất trồng lúa khóm 2, 3 tương đối lớn với sản lượng hàng năm khoảng 2,6 tấn/ha nhưng đa phần là canh tác lúa thường, hiệu quả mang lại chưa cao, đời sống của người dân vẫn còn khó khăn, thu nhập còn thấp; Mặt khác chưa mạnh dạn thay đổi tập quán sản xuất như: giống lúa (lúa thơm, lúa đặc sản...), giảm giống, giảm phân bón...việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, sự đồng thuận liên kết sản xuất tiêu thụ của người dân chưa cao còn sản xuất mang tính nông hộ dẫn đến tình trạng thị trường tiêu thụ chưa ổn định .

Vì vậy việc xây dựng “mô hình sản xuất lúa thơm, đặc sản chất lượng cao có liên kết tiêu thụ” là nhu cầu cần thiết.

II Mục tiêu dự án

1. Mục tiêu kinh tế

Chi phí đầu tư của người nông dân được giảm từ 5 -10% (giảm lượng phân hóa học, giảm lượng giống gieo sạ, giảm lượng nước sử dụng, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật phun xịt và giảm thất thoát sau thu hoạch) tăng lợi nhuận từ giảm chi phí và tăng giá bán. Cùng với giảm chi phí, lúa thơm, đặc sản thương phẩm sẽ được tăng giá bán đến 10% so với trước khi dự án triển khai; bởi chất lượng lúa thương phẩm được cải thiện và tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết do vậy sản phẩm được kiểm soát chặt từ đầu vào đến đầu ra. Điều này giúp cải thiện thu nhập và nâng cao sinh kế hộ nông dân canh tác lúa vùng dự án nói riêng và cả phường nói chung.

2. Mục tiêu xã hội

Nông dân trồng lúa giảm công lao động trong canh tác lúa thông qua ứng dụng các kỹ thuật canh tác mới cũng như ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất, tạo lao động, việc làm cho các nông nhân rồi tham gia vào các hoạt động, dịch vụ

nông nghiệp khác tại địa phương khi tổ chức sản xuất mô hình liên kết; sức khỏe của người nông dân được đảm bảo vì việc sử dụng phân hóa học và thuốc BVTV. Khi kỹ thuật một phải năm giảm được áp dụng, lượng phân hóa học và thuốc BVTV sử dụng giảm đáng kể, điều này làm cho tồn dư trong sản phẩm, đất và nước không còn hoặc dưới ngưỡng cho phép, qua đó giảm ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm an toàn cho sức khỏe người sản xuất, tiêu dùng và cho các đối tượng khác liên quan trong xã hội; giảm rủi ro trong sản xuất thông qua liên kết tổ chức sản xuất, tăng mối hợp tác giữa các tác nhân trong sản xuất. Khi rủi ro xảy ra, có sự chia sẻ giữa các bên tham gia, ngược lại khi lợi nhuận cao cũng được chia sẻ. Nói cách khác, hình thức liên kết giữa các bên tham gia trong chuỗi liên kết từ dự án sẽ giúp ổn định.

3. Mục tiêu xây dựng Hội:

Thực hiện dự án sẽ đóng góp hiệu quả sản xuất vào quỹ Hỗ trợ nông dân phường hàng năm, giúp Hội ngày càng phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế hiệu quả và thu hút thêm nhiều nông dân tham gia vào tổ chức Hội.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm:

Hộ vay vốn sử dụng vốn vay để đầu tư sản xuất lúa chất lượng cao, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa chế phẩm sinh học vào trong sản xuất nhằm bảo vệ môi trường, có sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Dự toán hiệu quả kinh tế khi sản xuất tập trung, có liên kết bao tiêu sản phẩm:

Bảng triết tính cụ thể trên 01 ha:

| Số TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (đồng) |
|----------|------------------------------------|-------------|--------------|--------------|-------------------|
| A | Chi phí | | | | 21.200.000 |
| 1 | Lúa giống | kg | 150 | 14.000 | 2.100.000 |
| 2 | Phân bón | | | | 7.450.000 |
| | - Phân Urê | kg | 150 | 13.000 | 1.950.000 |
| | - Phân DAP | kg | 100 | 19.500 | 1.950.000 |
| | - Phân KCl | kg | 50 | 14.000 | 700.000 |
| | - Phân hữu cơ vi sinh | kg | 300 | 9.500 | 2.850.000 |
| 3 | Thuốc trừ cỏ | ha | 1 | 250.000 | 250.000 |
| 4 | Thuốc trừ OBV, trừ chuột, trừ bệnh | ha | 1 | 4.500.000 | 4.500.000 |
| 5 | Chi phí cày, xới đất | ha | 1 | 1.800.000 | 1.800.000 |
| 6 | Chi phí chăm sóc | ha | 1 | 2.300.000 | 2.300.000 |
| 7 | Chi phí thu hoạch | ha | 1 | 2.800.000 | 2.800.000 |
| B | Doanh thu | kg | 7.000 | 5.500 | 38.500.000 |
| C | Lợi nhuận (B-A) | | | | 17.300.000 |

a. Tổng chi phí sản xuất: 636.000.000 đồng

- Chi phí mua lúa giống: $30\text{ha} \times 150 \text{ kg/ha} \times 14.000\text{đ/kg} = 63.000.000 \text{ đ}$
- Chi phí mua phân: $223.500.000 \text{ đ}$
 - + Phân Urê $30\text{ha} \times 150 \text{ kg/ha} \times 13.000\text{đ/kg} = 58.500.000 \text{ đ}$
 - + Phân DAP $30\text{ha} \times 100 \text{ kg/ha} \times 19.500\text{đ/kg} = 58.500.000 \text{ đ}$
 - + Phân Kali $30\text{ha} \times 50 \text{ kg/ha} \times 14.000\text{đ/kg} = 21.000.000 \text{ đ}$
 - + Phân hữu cơ vi sinh $30\text{ha} \times 300 \text{ kg/ha} \times 9.500\text{đ/kg} = 85.500.000 \text{ đ}$
- Chi phí mua thuốc (trừ Cỏ, OBV...): $30\text{ha} \times 4.750.000 \text{ đ/ha} = 142.500.000 \text{ đ}$
- Chi phí cày, xới đất: $30\text{ha} \times 1.800.000\text{đ/ha} = 54.000.000 \text{ đ}$
- Chi phí chăm sóc: $30\text{ha} \times 2.300.000\text{đ/ha} = 69.000.000 \text{ đ}$
- Chi phí thu hoạch: $30\text{ha} \times 2.800.000 \text{ đ/ha} = 84.000.000 \text{ đ}$

*** Phụ chú:**

- Nếu sử dụng đồng loạt các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất lúa như: “3 giảm 3 tăng”; “1 phải 5 giảm”; sử dụng phân hữu cơ vi sinh...như vậy chi phí thuốc BVTV có thể dao động từ 450.000 đ - 850.000 đ/0,1 ha (tùy theo phương pháp canh tác của từng hộ nông dân). Đối với chi phí nội dung này việc áp dụng đồng loạt các giải pháp sẽ giảm được chi phí.

- Đồng thời thu hoạch bằng cơ giới trên cánh đồng lớn giá thành sẽ giảm 20.000 đ/0,1 ha.

- Giá phân bón dao động theo thời điểm từ 12.000 đ - 20.000 đ/kg.

b. Tổng doanh thu: 1.155.000.000 đồng

- Sản lượng sau thu hoạch: $30 \text{ ha} \times 7.000 \text{ kg/ha} = 210.000 \text{ kg}$

- Giá bao tiêu sản phẩm: $210.000 \text{ kg} \times 5.500 \text{ đ/kg} = 1.155.000.000 \text{ đ}$

c. Lợi nhuận sau khi trừ chi phí: 519.000.000 đ

$1.155.000.000 \text{ đ} - 636.000.000 = 519.000.000 \text{ đ}$

d. Lợi nhuận so sánh:

*** Chi phí sản xuất lúa cho từng hộ nhỏ lẻ: 712.200.000 đồng**

- | | | | |
|---------------------------------------|---|---|---------------|
| - Chi phí mua lúa giống: | $30 \text{ ha} \times 200 \text{ kg/ha} \times 14.000 \text{ đ/kg}$ | = | 84.000.000 đ |
| - Chi phí mua phân: | | = | 254.700.000 đ |
| + Phân Urê | $30 \text{ ha} \times 200 \text{ kg/ha} \times 13.000 \text{ đ/kg}$ | = | 78.000.000 đ |
| + Phân DAP | $30 \text{ ha} \times 120 \text{ kg/ha} \times 19.500 \text{ đ/kg}$ | = | 70.200.000 đ |
| + Phân Kali | $30 \text{ ha} \times 50 \text{ kg/ha} \times 14.000 \text{ đ/kg}$ | = | 21.000.000 đ |
| + Phân hữu cơ vi sinh | $30 \text{ ha} \times 300 \text{ kg/ha} \times 9.500 \text{ đ/kg}$ | = | 85.500.000 đ |
| - Chi phí mua thuốc (trừ Cỏ, OBV...): | $30 \text{ ha} \times 4.950.000 \text{ đ/ha}$ | = | 148.500.000 đ |
| - Chi phí cày, xới đất: | $30 \text{ ha} \times 2.000.000 \text{ đ/ha}$ | = | 60.000.000 đ |
| - Chi phí chăm sóc: | $30 \text{ ha} \times 2.500.000 \text{ đ/ha}$ | = | 75.000.000 đ |
| - Chi phí thu hoạch: | $30 \text{ ha} \times 3.000.000 \text{ đ/ha}$ | = | 90.000.000 đ |

* Sản lượng sau thu hoạch: $30\text{ha} \times 7.000\text{kg/ha} = 210.000 \text{ kg}$

* Giá sản phẩm: $210.000 \text{ kg} \times 5.500 \text{ đ/kg} = 1.155.000.000\text{đ}$

* Lợi nhuận sau khi trừ chi phí:

$1.155.000.000\text{đ} - 712.200.000\text{đ} = 442.800.000\text{đ}$

Vậy sau khi so sánh giữa liên kết có bao tiêu sản phẩm và hộ nông dân tự sản xuất nhỏ lẻ thì lợi nhuận chênh lệch là: $76.200.000\text{đ}/30\text{ha}$

Tương đương lợi nhuận tăng thêm: $2.540.000\text{đ/ha}$

So sánh 30ha chênh lệch chi phí đầu tư ban đầu: $712.200.000 - 636.000.000 = 76.200.000$ đồng

- Ngoài ra còn được hỗ trợ :

1. Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật (Do Trung tâm Khuyến nông tỉnh):

Hộ vay vốn tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật khi được mời tham dự và tham quan mô hình có hiệu quả.

2. Công tác kiểm tra giám sát người vay sử dụng vốn: Hộ vay sẽ được Hội Nông nông thành phố kiểm tra sau khi nhận được vốn vay 30 ngày.

3. Duy trì chế độ họp, sinh hoạt của các thành viên trong dự án theo định kỳ thông qua họp chi hội.

4. Thời gian thu hồi vốn, phí: Thu phí 01 lần/tháng; Thu hồi vốn từng giai đoạn sau mỗi vụ cho đến khi kết thúc dự án.

| STT | Tháng, năm | Số tiền | Phí 0.7%/ tháng |
|-----|------------------|-------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 01 | Tính phí 1 tháng | 300.000.000 | 2.100.000 |
| 02 | Tính phí 1 năm | 300.000.000 | 25.200.000 |

5. Hoạt động tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm: Hội nông dân phường; Ban quản lý dự án sẽ là cầu nối giúp người vay tiêu thụ sản phẩm thông qua ký hợp đồng với doanh nghiệp Thạch Minh Thành, địa chỉ tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (đại diện doanh nghiệp là anh Dương Hoàng Liêm).

IV. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.

Tôi cam kết quản lý và có trách nhiệm đôn đốc các thành viên sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả tiền vốn và phí đầy đủ, đúng hạn ./.

Phường 10, ngày 04 tháng 10 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA UBND PHƯỜNG

HỘI NÔNG DÂN PHƯỜNG CHỦ DỰ ÁN



(Ký tên, đóng dấu)
CHỦ TỊCH

Handwritten signature of Nguyễn Việt Dũng

Nguyễn Việt Dũng



(Ký tên, đóng dấu)

Handwritten signature of Dương Quốc Liên

Hội Nông Dân Thành Phố Sóc Trăng



(Ký tên, đóng dấu)

Handwritten signature of Dương Văn Thành

Dương Văn Thành